

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT TẠI THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

● NGUYỄN VĂN HẢI - NGUYỄN THỊ TÚ - LÊ TRẦN ĐOAN KHANG

TÓM TẮT:

Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích xác định các nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp (DN) sản xuất tại thành phố Biên Hòa; đồng thời, đưa ra những kiến nghị, đề xuất nâng cao việc vận dụng kế toán quản trị trong các DN sản xuất góp phần tăng sức cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động của DN. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy bội được sử dụng trên 200 khảo sát thực tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong 6 nhân tố đưa vào nghiên cứu, nhân tố chiến lược kinh doanh (CLKD) không có ý nghĩa trong mô hình nghiên cứu. Sự tác động của các nhân tố đến việc vận dụng kế toán quản trị trong các DN sản xuất tại thành phố Biên Hòa theo mức độ từ cao đến thấp là: Chi phí cho việc tổ chức hệ thống kế toán quản trị (CPTCHT); Quy mô DN sản xuất (QMDN); Trình độ của nhân viên kế toán (TDNVKT); Mức độ cạnh tranh của thị trường (MDCT) và cuối cùng là Nhận thức/quan tâm đến kế toán quản trị của chủ DN sản xuất (NTCDN).

Từ khóa: vận dụng kế toán quản trị, doanh nghiệp sản xuất, thành phố Biên Hòa.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc có thể đứng vững và cạnh tranh trên thị trường là thách thức rất lớn đối với các DN sản xuất. Trong đó, yếu tố cạnh tranh về chi phí để nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm được giá thành sản phẩm, quản lý được hiệu quả của DN sản xuất là vấn đề hết sức quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của DN sản xuất. Do vậy, việc triển khai và áp dụng công tác kế toán quản trị trong DN sản xuất là vấn đề hết sức cần thiết. Kế toán quản trị có vai trò

cung cấp thông tin định lượng về tình hình tài chính, tình hình hoạt động, tổng hợp, phân tích, truyền đạt thông tin của đơn vị một cách thường xuyên, liên tục và hữu ích cho các nhà quản trị nhằm phục vụ cho việc ra quyết định kịp thời của các nhà quản trị, đồng thời giúp cho nhà quản trị có thể lập được các kế hoạch và xác định các mục tiêu, đánh giá, kiểm tra, từ đó ra được quyết định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị trong tương lai.

DN sản xuất Việt Nam nói chung và các công ty sản xuất trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh

Đồng Nai nói riêng đang có nhiều cơ hội khi Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do. Tuy nhiên, với sức ép từ việc phải đối phó với cạnh tranh trong nước và quốc tế gay gắt, để tồn tại và phát triển, trước hết các DN phải nắm rõ các quy luật kinh tế, sử dụng tốt nguồn lực, nắm bắt cơ hội, thông tin bên trong và ngoài DN. Việc vận dụng hữu hiệu các công cụ kế toán quản trị hiện đại giúp cho các DN sản xuất nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của DN sản xuất.

Tại Việt Nam, trong thời gian qua, kế toán quản trị chưa được các DN sản xuất quan tâm đúng mức; DN sản xuất chưa nhận thức được tầm quan trọng và hiệu quả mang lại khi vận dụng kế toán quản trị vào DN sản xuất. Việc vận dụng kế toán quản trị vào các DN sản xuất chịu sự tác động của nhiều nhân tố, tại mỗi thời điểm, mỗi địa bàn, mỗi ngành nghề và mỗi môi trường hoạt động sẽ có những nhân tố khác nhau và mức độ tác động của mỗi nhân tố cũng khác nhau. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán quản trị trong các DN sản xuất tại thành phố Biên Hòa là chủ đề quan trọng và cấp thiết. Qua mô hình nghiên cứu này, nhóm tác giả đưa ra các nhân tố có tác động đến việc vận dụng kế toán quản trị trong các DN sản xuất tại thành phố Biên Hòa, cũng như việc chỉ ra mức độ tác động của từng nhân tố và đưa ra các hàm ý làm tư liệu để các DN sản xuất tham khảo và vận dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, làm gia tăng tính khả thi của việc vận dụng kế toán quản trị vào trong các DN sản xuất tại thành phố Biên Hòa.

2. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mô hình nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu định tính, nhóm tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu gồm 6 nhân tố như Hình 1, bao gồm: Chi phí cho việc tổ chức hệ thống kế toán quản trị (CPTCHT); Quy mô DN sản xuất (QMDN); Trình độ của nhân viên kế toán (TDNVKT); Chiến lược kinh doanh (CLKD); Mức độ cạnh tranh của thị trường (MDCT) và cuối cùng là Nhận thức/quan tâm đến kế toán quản trị của chủ DN sản xuất (NTCDN).

Phương trình hồi quy chuẩn hóa có dạng:

$$\begin{aligned} \text{VDKTQT} = & \beta_1 * \text{QMDN} + \beta_2 * \text{MDCT} \\ & + \beta_3 * \text{NTCDN} + \beta_4 * \text{TDNVKT} \\ & + \beta_5 * \text{CLKD} + \beta_6 * \text{CPTCHT} \end{aligned}$$

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sơ bộ được thực hiện theo phương pháp thảo luận với chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành nghề kế toán nhằm điều chỉnh, bổ sung (nếu có) các biến trong mô hình nghiên cứu và xem xét, đánh giá các biến quan sát cho phù hợp với việc vận dụng KTQT trong các DN sản xuất tại thành phố Biên Hòa. Từ đó, việc xây dựng được Bảng câu hỏi và kết quả của Bảng câu hỏi sẽ được sử dụng làm cơ sở cho nghiên cứu chính thức. Nghiên cứu chính thức để kiểm định thang đo và mô hình nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp nghiên cứu định lượng. Thang đo Likert 5 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Không ý kiến, (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý được sử dụng để đo lường giá trị các biến số. Phần mềm SPSS được sử dụng để phân tích kết quả thu thập dữ liệu từ mẫu, gồm các bước: Kiểm định độ tin cậy của thang đo; Phân tích nhân tố khám phá (EFA); Phân tích hồi quy bội.

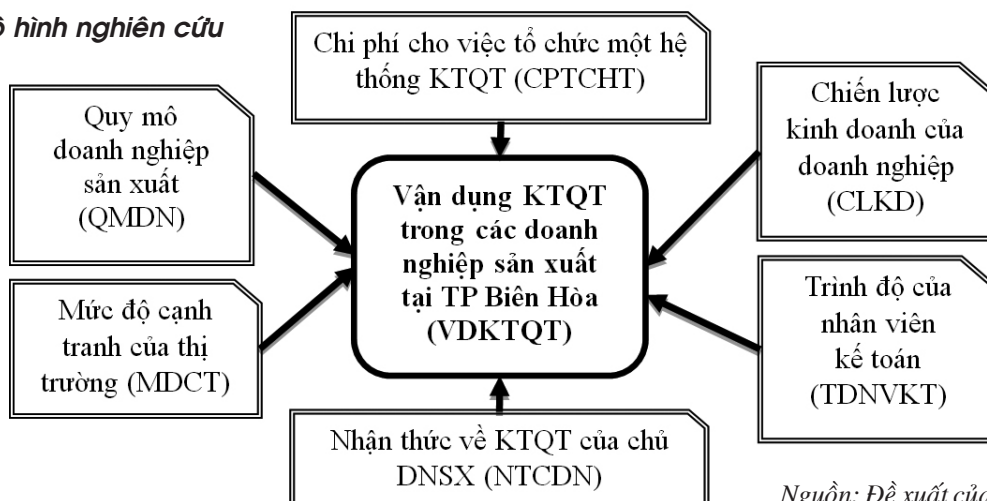
Để đảm bảo số lượng mẫu cần thiết và tuân thủ theo các nguyên tắc thống kê, nghiên cứu tiến hành gửi đi 240 phiếu khảo sát tới các DN sản xuất trên địa bàn thành phố Biên Hòa. Kết quả thu về 200 phiếu hợp lệ. Dữ liệu sau đó được tổng hợp, xử lý và phân tích thông qua phần mềm SPSS. (Hình 1)

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kiểm định Cronbach's Alpha

Kiểm định Cronbach's Alpha được thực hiện, kết quả cho thấy biến CLKD2, CLKD4 có tương quan biến tổng nhỏ hơn 0.3 nên loại 2 biến này trong thang đo nhân tố CLKD. Tuy nhiên, nhân tố CLKD có hệ số Cronbach's Alpha là $0.588 < 0.6$ nên nhân tố không đạt và được loại bỏ trong nghiên cứu tiếp theo. Ngoài ra, kết quả Bảng 1 cho thấy thang đo các nhân tố đều đạt yêu cầu, tất cả đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0.6, các thang đo thành phần đều có tương quan biến tổng lớn hơn 0.3.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả

Bảng 1. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha

Yếu tố	Biến thang đo	Cronbach's Alpha	Kết luận
Quy mô doanh nghiệp sản xuất	QMDN1, 2, 3, 4, 5	0.751	Đạt
Mức độ cạnh tranh của thị trường	MDCT1, 2, 3, 4, 5	0.713	Đạt
Nhận thức/sự quan tâm về KTQT của chủ DN sản xuất	NTCDN1, 2, 3, 4, 5	0.716	Đạt
Trình độ của nhân viên kế toán	TDNVKT1, 2, 3, 4, 5	0.777	Đạt
Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất	CLKD1, 3, 5	0.581	Không đạt
Chi phí tổ chức hệ thống KTQT	CPTCHT1, 2, 3, 4, 5	0.786	Đạt
Vận dụng KTQT trong DN	VDKTQT1, 2, 3, 4, 5	0.828	Đạt

Nguồn: Dữ liệu phân tích của nhóm nhóm tác giả

3.2. Phân tích nhân tố EFA

Sau khi kiểm định Cronbach's Alpha, 25 biến quan sát cho các nhân tố đạt yêu cầu sẽ được đưa vào nhân tố khám phá EFA, kết quả như Bảng 2 và Bảng 3.

Theo Bảng 2, kết quả phân tích EFA cho thấy chỉ số KMO = 0.820 > 0.5, chứng tỏ phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu. Kết quả kiểm định

Bảng 2. Bảng kiểm định KMO và Bartlett biến độc lập

Hệ số KMO		.820
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	2362.651
	df	300
	Sig.	.000

Nguồn: Dữ liệu phân tích của nhóm nhóm tác giả

Bảng 3. Bảng chỉ tiêu đánh giá độ phù hợp của mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Độ lệch chuẩn	Kiểm định tự tương quan
1	.905 ^a	.820	.815	.20752	1.685

Nguồn: Dữ liệu phân tích của nhóm nhóm tác giả

Bảng 4. Bảng thông số thống kê của từng biến trong mô hình hồi quy

Model		Hệ số không chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Giá trị t	Mức ý nghĩa	Kiểm định đa cộng tuyến	
		B	Độ lệch chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
1	Constant	-.294	.146		-2.013	.045		
	QMDN	.315	.050	.289	6.245	.000	.434	2.304
	MDCT	.092	.038	.093	2.441	.016	.641	1.559
	NTCDN	.072	.027	.086	2.659	.008	.883	1.132
	TDNVKT	.259	.048	.258	5.410	.000	.409	2.444
	CPTCHT	.338	.048	.360	6.993	.000	.351	2.846

Nguồn: Dữ liệu phân tích của nhóm nhóm nhóm tác giả

Bartlett's là 2362.651 với mức ý nghĩa sig = 0.000 < 0.05, cho thấy dữ liệu dùng để phân tích EFA là hoàn toàn hợp lý.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các thang đo được gom lại thành 5 nhân tố, như vậy thang đo đạt giá trị hội tụ. Hệ số tải nhân tố của các biến quan sát giữa các nhân tố đều > 0.5 cho thấy các nhân tố có giá trị phân biệt cao.

3.3. Mô hình hồi quy tuyến tính

Phân tích hồi quy sử dụng phương pháp Enter (đưa cùng lúc tất cả các biến vào phân tích), được tiến hành với 5 biến độc lập là quy mô DN sản xuất; mức độ cạnh tranh của thị trường; nhận thức/sự quan tâm về kế toán quản trị của chủ DN sản xuất; trình độ của nhân viên kế toán; chi phí tổ chức hệ thống kế toán quản trị cho DN sản xuất và biến phụ thuộc việc vận dụng kế toán quản trị.

Kết quả phân tích cho thấy mô hình có R² hiệu chỉnh là 0.82, cho thấy 82% sự thay đổi của Việc vận dụng kế toán quản trị trong các DN sản xuất tại thành phố Biên Hòa được giải thích bởi 5 biến là QMDN, MDCT, TDNVKT, NTCDN, CPTCHT, 18% còn lại là do sự ảnh hưởng của những biến ngoài mô hình chưa đưa vào và ảnh hưởng của sai số ngẫu nhiên.

Kết quả Bảng 4 cho thấy các biến quan sát có Sig. < 0.05 nên 5 biến này tương quan với biến phụ

thuộc và có ý nghĩa thống kê. Giá trị VIF của các biến có giá trị nhỏ và hơn 10 cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến, nghĩa là không có mối quan hệ tuyến tính giữa các biến độc lập với nhau.

Từ Bảng 4 phương trình hồi quy chuẩn hóa rút ra được trong nghiên cứu:

$$\text{VDKTQT} = 0.36 \cdot \text{CPTCHT} + 0.289 \cdot \text{QMDN} + 0.285 \cdot \text{TDNVKT} + 0.093 \cdot \text{MDCT} + 0.086 \cdot \text{NTCDN}$$

Mô hình hồi quy cho thấy 5 nhân tố độc lập đều tác động tích cực lên biến phụ thuộc. Tác động của nhân tố CPTCHT là mạnh nhất thể hiện ở hệ số β chuẩn hóa = 0.36 và yếu nhất là biến NTCDN với β chuẩn hóa = 0.086.

4. Kết luận

Nghiên cứu này đã góp phần hoàn chỉnh các thang đo, kiểm định mô hình, chỉ ra được các nhân tố và mức độ tác động của các nhân tố đến việc vận dụng kế toán quản trị tại DN sản xuất tại thành phố Biên Hòa. Kết quả nghiên cứu cho phép kết luận có 5 nhân tố tác động tích cực đến việc vận dụng kế toán quản trị. Các nhân tố đó là: Quy mô DN; Mức độ cạnh tranh của thị trường; Sự nhận thức/quan tâm đến kế toán quản trị của chủ DN; Trình độ của nhân viên kế toán; Chi phí cho việc tổ chức hệ thống kế toán quản trị cho DN.

Để giúp các DN nhận thức được tầm quan trọng

trong việc vận dụng kế toán quản trị nhằm mang lại hiệu quả cao, trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số gợi ý:

- DN cần phải xem xét đầu tư vận dụng kế toán quản trị theo cách phù hợp với tình hình tài chính cũng như quy mô của DN để đạt được mục tiêu kinh doanh đặt ra, cũng như sự phát triển bền vững của tổ chức.

- Các DN sản xuất tại thành phố Biên Hòa đa phần đều là các DN vừa và nhỏ, vì vậy DN nên thay đổi cấu trúc DN theo hướng tinh giản, ưu tiên hình thức phân quyền là hết sức cần thiết. Việc sở hữu một bộ máy quản lý gọn nhẹ, hiệu quả, sẽ đảm bảo cho việc truyền đạt thông tin trở nên thông suốt và đây luôn là một sự thúc đẩy làm tăng mức độ thành công khi vận dụng các kỹ thuật kế toán quản trị vào DN.

- DN cần tạo điều kiện cho cán bộ kế toán tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ KTQT, CMA,... để

triển khai áp dụng kế toán quản trị vào DN của mình. Bên cạnh đó, nhân viên kế toán phải không ngừng cập nhật nâng cao năng lực chuyên môn; nâng cao kỹ năng tin học, kỹ năng ngoại ngữ; kỹ năng phân tích, quan sát, tổng hợp,... để phục vụ tốt cho công tác kế toán.

- Để nâng cao năng lực cạnh tranh của DN, đồng thời với việc gia tăng vận dụng kế toán quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, DN cần vạch ra các chiến lược để thực hiện việc giảm chi phí ở mức thấp nhất có thể, nhằm đạt tổng chi phí thấp hơn so với các đối thủ khác trong ngành; phải tạo được sự khác biệt so với các sản phẩm của các đối thủ trong ngành, phục vụ thật tốt một mục tiêu cụ thể, xây dựng chiến lược kinh doanh linh hoạt.

- Chủ DN cần có nhận thức đúng đắn về vai trò của kế toán quản trị và cần có chiến lược dài hạn đầu tư về con người và cơ sở vật chất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận dụng kế toán quản trị ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Abdel-Kader M. Luther R (2008). The impact of firm characteristics on management accounting practices: A UK-based empirical analysis. *The British Accounting Review*, 40, 2-27.
2. Alchian and Demsetz (1972). Production, information costs, and economic organization. *American Economic Review*, 62 (December), 777-795.
3. Anthony A. Atkinson. Robert s.Kaplan (1998). *Advanced Management Accounting*. (3rd Edition). USA: Prentice Hall.
4. Bộ Tài chính (2006). *Thông tư số 53/2006/TT-BTC về Hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp*. Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 6 năm 2006.
5. Bùi Tiến Dũng và Phạm Đức Hiếu (2017). Nghiên cứu mức độ áp dụng kế toán quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất Giấy ở Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, số 11 tháng 10 năm 2017.
6. Đặng Thái Hòa (2017). *Đánh giá các nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán quản trị vào các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Xây dựng*. Luận văn Thạc sĩ, chuyên ngành Kế toán - Trường Đại học Lạc Hồng.
7. Đoàn Ngọc Phi Anh (2012). Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán quản trị chiến lược trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam. *Tạp chí Phát triển kinh tế*, số 264, tháng 10 năm 2012.

Ngày nhận bài: 14/2/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 14/3/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 27/3/2023

Thông tin tác giả:

1. TS. NGUYỄN VĂN HẢI¹

2. NGUYỄN THỊ TÚ²

3. LÊ TRẦN ĐOÀN KHANG³

¹Giảng viên, Trường Đại học Lạc Hồng

²Giảng viên, Trường Đại học Ngân hàng

³Học viên cao học, Trường Đại học Lạc Hồng

**FACTORS AFFECTING THE APPLICATION
OF MANAGEMENT ACCOUNTING IN MANUFACTURING
ENTERPRISES IN BIEN HOA CITY**

● Ph.D **NGUYEN VAN HAI¹**

● **NGUYEN THI TU²**

● **LE TRAN DOAN KHANG³**

¹ Lecturer, Lac Hong University

² Lecturer, Ho Chi Minh University of Banking

³ Ph.D student, Lac Hong University

ABSTRACT:

This study is to determine the factors affecting the application of management accounting in manufacturing enterprises in Bien Hoa city and makes recommendations to improve the management accounting implementation in these manufacturing enterprises. Exploratory factor analysis and multiple regression analysis are used in this study to analyze 200 actual surveys. The study finds out that there are 6 proposed factors, the business strategy factor has no significance in the research model. Factors affecting the application of management accounting, listed in the descending order of impact level, are: Cost for organizing the management accounting system; Size of manufacturing enterprise; Qualifications of accounting staff; Level of market competition; and Awareness/interest in management accounting of manufacturing business owners.

Keywords: applying managerial accounting, manufacturing enterprise, Bien Hoa city.